Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    $a=5;
    $b=12;
    $c=10;
    $d=7;
    $e=($a*$b)+$c*$d/$a;
    print($e);
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 74
- B. 154
- C. 26
- D. 130

Đán án đúng: A

## Câu 02

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    $b = false;
    if($b = true)
        print("true");
    else
        print("false");
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. false
- B. true
- C. Có lỗi xảy ra
- D. true false

Đán án đúng: B

### Câu 03

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
for($x = 1; $x <= 2; $x++){
    for($y = 1; $y <= 3; $y++){
        if ($x == $y) continue;
        print("x = $x  y = $y");
    }
}
</pre>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

A. 
$$x = 2 y = 3$$

B. 
$$x = 2 y = 2$$

C. 
$$x = 2 y = 1$$

D. 
$$x = 1 y = 3$$

E. 
$$x = 1 y = 2$$

F. 
$$x = 1$$
  $y = 1$ 

Đán án đúng: A, C, D, E

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    $x = 25;
    while($x<10)
    {
        $x--;
    }
    print ($x);
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 25
- B. 0
- C. Có lỗi xảy ra
- D. 10

Đán án đúng: A

### Câu 05

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    switch(1) {
        case 1: print("Book Details");
        case 2: print("Book Author");
        default: print("Missing Book");
    }
}</pre>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. Book Details
- B. Book Author
- C. Missing Book
- D. Book DetailsBook AuthorMissing Book
- E. Có lỗi xảy ra

Đán án đúng: D

## Câu 06

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 4
- B. 0
- C. 20
- D. 5

Đán án đúng: B

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    $a=5;
    $b=12;
    $c=10;
    $d=7;
    $e=($a*$b)+$c*$d/$a;
    print($e);
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 154
- B. 74
- C. 130
- D. 26

Đán án đúng: B

## Câu 08

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 5
- B. 10
- C. 2
- D. Có lỗi xảy ra

Đán án đúng: B

## Câu 09

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
     $a;
     for($a=1;$a<=9;$a++) {
          if($a==5) continue;
          print($a);
     }
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 12345
- B. 56789
- C. 12346789
- D. 123456789

Đán án đúng: C

Câu 10	
<pre>Xem đoạn mã lệnh sau đây <?    echo (int) "1235Jason"; ?></pre>	Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?  A. 1235 B. Có lỗi xảy ra C. 0 D. 1235Jason
	Đán án đúng: A

Chức năng "Loại bỏ phần tử cuối cùng của mảng và trả về phần tử cuối cùng đã được loại bỏ" là chức năng của hàm nào trong các hàm sau đây

- A. array\_pop
- B. array\_shift
- C. array\_unique
- D. unset

Đán án đúng: A

## Câu 02

Chức năng "Tính tổng các phần tử trong mảng" là chức năng của hàm nào trong các hàm sau đây

- A. sum
- B. array\_sum
- C. sum\_array
- D. Cả 3 đáp án trên

Đán án đúng: B

### Câu 03

Chức năng "Chuyển một chuỗi thành một mảng" là chức năng của hàm nào trong các hàm sau đây

- A. str\_to\_array
- B. str\_array
- C. implode
- D. explode

Đán án đúng: D

### Câu 04

Chức năng "Chuyển một mảng thành một chuỗi" là chức năng của hàm nào trong các hàm sau đây

- A. array\_to\_str
- B. array\_str
- C. implode
- D. explode

Đán án đúng: C

Chức năng "Làm tròn số" là chức năng của hàm nào trong các hàm sau đây

- A. round
- B. ceil
- C. floor
- D. round\_number

Đán án đúng: A, B, C

## Câu 06

Xem đoan mã lênh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

```
E. a2 = e \ a1 = x \ a3 = z
```

F. 
$$a1 = e \ a2 = x \ a3 = z$$

G. 
$$0 = e 1 = x 2 = z$$

H. Có lỗi xảy ra

Đán án đúng: A

#### Câu 07

Đây là thông tin mảng ban đầu chúng ta có

Tuy nhiên chúng ta cần xuất ra một mảng mới theo thứ tự như sau

Để thực hiện được yêu cầu trên thì chúng ta cần sử dụng hàm nào?

- A. natsort()
- B. ksort()
- C. sort()
- D. asort()

Đán án đúng: A

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A.  $a1 = x \ a2 = e \ a3 = z$
- B.  $a1 = e \ a2 = x \ a3 = z$
- C. 0 = e 1 = x 2 = z
- D. Có lỗi xảy ra

Đán án đúng: A

### Câu 09

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. bcd
- B. abc
- C. def
- D. cde

Đán án đúng: C

### Câu 10

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. cdabcab
- B. abc
- C. cdabc
- D. abcdabc

Đán án đúng: D

Chức năng "Kiểm tra sự tồn tại của tập tin, thư mục" là chức năng của hàm nào trong các hàm sau đây?

- A. file\_exist
- B. filetype
- C. filesize
- D. is\_executable

Đán án đúng: A

## Câu 02

Một tập tin được cấu hình với quyền 754, như vậy phát biểu nào sau đây là phát biểu đúng?

- A. Owner/User có quyền đọc và thực thi
- B. Owner/User chỉ có quyền đọc tập tin
- C. Owner/User có toàn quyền
- D. Owner/User chỉ có quyền ghi tập tin

Đán án đúng: C

#### Câu 03

Đoạn mã HTML nào sau đây được sử dụng cho việc upload tập tin trong form?

- A. <form enctype="text/plain" action="index.php" method="post">
- B. <form enctype="plain" action="index.php" method="post">
- C. <form enctype="multipart/form-data" action="index.php" method="post">
- D. <form enctype="application/upload-file" action="index.php" method="post">

Đán án đúng: C

#### Câu 04

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thi sẽ là gì?

- A. hiworld
- B. HI, WORLD
- C. The script will throw an error.
- D. Có lỗi xảy ra

Đán án đúng: A

Đây là thông tin mảng ban đầu chúng ta có

```
<?php
     $s = '13149';
     $s[$s[1]] = $s[1]+$s[3];
     print_r($s);
?>
```

Để thực hiện được yêu cầu trên thì chúng ta cần sử dụng hàm nào?

- A. Có lỗi xảy ra
- B. 13149
- C. 13179
- D. 0

Đán án đúng: C

## Câu 06

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 589
- B. ABGH
- C. asdfg589nm
- D. AB

Đán án đúng: D

## Câu 07

Làm cách nào để lưu trữ một biến age có giá trị 25 vào trong session

- A. \$age = 25; session\_regiser('age');
- B. SESSION['age'] = 25;
- C. session\_register('age', 25);
- D. \$HTTP\_SESSION\_VARS['age'] = 25;

Đán án đúng: C

## Câu 08

Làm thế nào để bạn bắt đầu sử dụng Session trong PHP?

- A. luôn luôn được tự động gọi
- B. Goi hàm start\_session()
- C. Thiết lập session.auto\_start trong phần cấu hình
- D. Goi hàm session\_register()

Đán án đúng: D

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    session_start();

if (!array_key_exists('counter', $_SESSION)) {
        $_SESSION['counter'] = 0;
}
else {
        $_SESSION['counter']++;
}

session_regenerate_id();
echo $_SESSION['counter'];
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì (đối với cùng một người dùng)

- **A**. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Đán án đúng: B

## Câu 10

Trong các cách sau đây, cách nào giúp bạn nhận được dữ liệu gửi đi từ Form mà không chắc chắn cơ chế nó được gửi đi như thế nào ?

- A. \$\_REQUEST[]
- B. \$\_GET[]
- C. \$\_POST[]
- D. \$\_SEND[]

Đán án đúng: A

Phát biểu nào sao đây sai về XML

- A. XML quy định người dùng phải tuân theo các thẻ riêng mà XML đã định nghĩa sẵn
- B. Các thẻ XML khá giống với HTML: tag, data, attribute
- C. XML được xây dựng theo dạng cây, phải có tối thiểu một nút gốc
- D. XML được hỗ trợ trên các trình duyệt phổ biến hiện

Đán án đúng: A

## Câu 02

Phát biểu nào sao đây đúng về công dụng của XML?

- A. Lưu trữ thông tin nhỏ
- B. Tạo phần tóm tắt nội dung cho website (RSS)
- C. Tạo sơ đồ cho website (sitemap)
- D. Là cầu nối trao đổi dữ liệu giữa các ứng dụng web (web service)
- E. B và C đúng
- F. Tất cả các phát biểu trên đều đúng

Đán án đúng: C

#### Câu 03

Trong Xpath để lấy ra thông tin phần tử ở vị trí cuối cùng, chúng ta sử dụng

- A. last()
- B. last()-1
- C. end()
- D. end()-1

Đán án đúng: C

#### Câu 04

Phương thức nào sau đây được sử dụng để lấy các không gian tên được sử dụng trong một tài liệu XML từ một đối tượng SimpleXMLElement?

- A. getName()
- B. getNamespaces()
- C. getElement()
- D. getDefined()

Đán án đúng: B

Phương thức nào sau đây được sử dụng để lấy tên của phần tử XML từ một đối tượng SimpleXMLElement?

- A. getDefined()
- B. getNamespaces()
- C. getName()
- D. getCall()

Đán án đúng: C

## Câu 06

Trong DomDocument sử dụng phương thức nào để thêm node vào một node nào đó cho trước

- A. insertBefore
- B. insertFirst
- C. insertStart
- D. insert

Đán án đúng: A

Lập trình hướng đối tượng có tên vắt tắt là?

- A. OOP
- B. OPP
- C. PPO
- D. POP

Đán án đúng: A

#### Câu 02

Phát biểu nào sao đây SAI về phương thức \_\_construct()

- A. \_\_construct() được gọi tự động và được gọi đầu tiên khi một object được khởi tạo.
- B. construct() thường dùng để khởi tạo các giá trị ban đầu, các trường hợp gọi \_\_construct()
- C. \_\_construct() được đặt tên trùng với tên class
- D. \_\_construct() phải có tham số được truyền

Đán án đúng: D

## Câu 03

Trong các điều khiển truy cập sau đây, điều khiển nào xác định rằng một tính năng có thể được truy cập bởi tất cả các lớp khác?

- A. Protected
- B. Abstract
- C. Public
- D. Private

Đán án đúng: C

## Câu 04

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
class A {
        static $word = "hello";
        static function hello() {print static::$word;}
}
class B extends A {
        static $word = "bye";
}
B::hello();
</pre>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. bye
- B. hello
- C. hellobye
- D. Có lỗi xảy

Đán án đúng: A

Làm sao để truy cập vào một thuộc tính trong class thông qua \$this

- A. \$this.\$varname
- B. \$this.varname
- C. \$this->varname
- D. \$this->\$varname

Đán án đúng: C

### Câu 06

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
   class A {};
   class B1 extends A {};
   class_alias('A', 'B2');
   $b1 = new B1; echo get_class($b1);
   $b2 = new B2; echo get_class($b2);
}</pre>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. B1A
- B. B2A
- C. B1B2
- D. It will throw an error.

Đán án đúng: A

## Câu 07

Xem đoạn mã lệnh sau đây

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 10 20
- B. The script will throw an error.
- C. 10 20 0
- D. 10 20 30

Đán án đúng: A

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
   interface foo {}
   class_alias('foo', 'bar');
   echo interface_exists('bar') ? 'yes' : 'no';
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. Error
- B. No
- C. Yes
- D. NULL

Đán án đúng: C

## Câu 09

Phương pháp nào sau đây được gọi để in trực tiếp thông tin của mọt đối tượng (tương tự dùng echo hoặc print để in chuỗi)

- A. \_\_unset()
- B. \_\_isset()
- C. \_\_toString()
- D. \_\_set\_state()

Đán án đúng: B

## Câu 10

```
Xem đoạn mã lệnh sau đây
```

```
<?php
class Object {
    function Object( $entity ) {
        $entity->name="John";
    }
}
class Entity {
    var $name = "Maria";
}
$entity = new Entity();
$obj = new Object( $entity );
print $entity->name;
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. Maria
- B. John
- C. The script will throw an error message.
- D. JohnMaria

Đán án đúng: B

ZendVN – www.zend.vn Trang 3

Điều này sao đây mô tả đúng về thư viện PHPThumb

- A. Thư viện xử lý các vấn đề liên quan đến hình ảnh
- B. Thư viện xử lý các vấn đề liên quan đến biểu đồ
- C. Thư viện xử lý các vấn đề liên quan đến tập tin Word và Excel
- D. Thư viện xử lý các vấn đề liên quan đến tập tin PDF

Đán án đúng: A

```
Câu 02
Xem đoạn mã lệnh sau đây
<?php
                                                   Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?
    $values = array(
         10,
                                                      A. 20
         20,
                                                      B. 30
         '0',
                                                      C. 40
         '10hello',
                                                      D. 50
         'hello10'
                                                                                         Đán án đúng: C
    echo array_sum($values);
?>
```

```
      Câu 03

      Xem đoạn mã lệnh sau đây
      Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì ?

      <?php</td>
      A. 20

      $a = 5; $b = 4;
      B. 21

      $c = ($a++ * ++$b);
      C. 27

      echo $c;
      D. 25
```

```
Câu 04Xem đoạn mã lệnh sau đâySau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì ?<?php<br/>$str = "It's \"good\"";<br/>echo strlen(addslashes($str));<br/>?>A. 12<br/>B. 13<br/>C. 14<br/>D. 15D. 15Đán án đúng: C
```

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    $foo = 'bar';
echo '$foo\'' . "$foo\'";
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. \$foo'bar\'
- B. bar'\$foo\'
- C. \$foo'bar
- D. \$foobar

Đán án đúng: A

## Câu 06

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
     $str = 'val1,val2,,val4,';

    echo count(explode(',', $str));
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 5
- B. 6
- C. 7
- D. 8

Đán án đúng: A

## Câu 07

Xem đoạn mã lệnh sau đây

```
<?php
    $a = 0.5;
    $b = 0.1;
    $c = 16;

echo sprintf('%01.21f %.11f 0x%x', $a,
$b, $c);
?>
```

Sau khi thực hiện đoạn mã trên kết quả hiển thị sẽ là gì?

- A. 0.50 .1 0x10
- B. 0.50 0.1 0x16
- C. 0.50 0.1 0x10
- D. 0.5 0.1 0x16

Đán án đúng: C

SQL là chữ viết tắt của?

- A. Structured Query Language
- B. Super Question Language
- C. Strong Query Language
- D. Structured Question Language

Đán án đúng: A

## Câu 02

Câu lệnh SQL nào sau đây để xóa bảng từ cơ sở dữ liệu cho trước

- A. DELETE TABLE < table\_name > FROM DATABASE
- B. DELETE TABLE <table\_name>
- C. DROP TABLE
- D. DROP TABLE <table\_name> FROM DATABASE

Đán án đúng: C

### Câu 03

Để hiển thị những dòng phân biệt (loại bỏ kết quả trùng) chúng ta sử dụng từ khóa nào sau đây?

- A. ONLY
- B. ALL
- C. DISTINCT
- D. ANY

Đán án đúng: C

### Câu 04

Khi thực thi câu lệnh SQL nếu gặp thông báo lỗi "Ambiguous column name", điều này tương đương với phát biểu nào sao đây?

- A. Tên cột không tìm thấy
- B. Tên bảng không tìm thấy
- C. Lỗi cú pháp
- D. Tên cột có mặt ở nhiều bảng
- E. Phép so sánh không tương thích

Đán án đúng: D

Thứ tự mệnh đề trong SQL được sắp xếp theo độ giảm dần thứ tự ưu tiên là phát biểu nào sau đây?

- A. FROM, WHERE, GROUP BY, HAVING, SELECT, ORDER BY
- B. SELECT, FROM, WHERE, GROUP BY, HAVING, ORDER BY
- C. SELECT, WHERE, FROM, GROUP BY, HAVING, ORDER BY
- D. FROM, SELECT, GROUP BY, HAVING, WHERE, ORDER BY

Đán án đúng: A

### Câu 06

Cho bảng user gồm các cột id, firstname, lastname, email và age. Sử dụng điều kiện nào trong câu SQL để in ra những user từ 20 đến 40 tuổi

- A. BETWEEN 25 & 40
- B. BETWEEN 25 40
- C. BETWEEN 25 TO 40
- D. BETWEEN 25 AND 40

Đán án đúng: D

## Câu 07

Cho bảng user gồm các cột id, firstname, lastname, email và age. Sử dụng cụm nào trong câu SQL để in ra tên đầy đủ của một user (fullname = firstname + khoảng trắng + lastname

- A. concat(firstname, "",lastname)
- B. concat(lastname, "", firstname)
- C. join(firstname, "",lastname)
- D. join (lastname, "", firstname)

Đán án đúng: A

#### Câu 08

Sử dụng từ khóa nào để đặt tên mới cho cột

- A. ALIAS
- B. AS
- C. NEW\_COLUMM\_NAME
- D. NEW\_NAME

Đán án đúng: B

Sử dụng từ khóa nào để cập nhật dữ liệu?

- A. SAVE AS
- B. SAVE
- C. MODIFY
- D. UPDATE

Đán án đúng: D

### Câu 10

Sử dụng từ khóa nào để them mới dữ liêu vào cơ sở dữ liệu?

- A. INSERT NEW
- B. ADD RECORD
- C. INSERT INTO
- D. ADD NEW

Đán án đúng: C

### Câu 11

Làm sao để chọn tất cả các cột trong bảng Persons?

- A. SELECT \*. Persons
- B. SELECT Persons
- C. SELECT [all] FROM Persons
- D. SELECT \* FROM Persons

Đán án đúng: D

## Câu 12

Làm sao để chọn tất cả các cột trong bảng Persons mà cột FirstName có giá trị là Peter

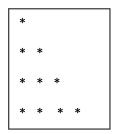
- A. SELECT \* FROM Persons WHERE FirstName<>'Peter'
- B. SELECT [all] FROM Persons WHERE FirstName LIKE 'Peter'
- C. SELECT [all] FROM Persons WHERE FirstName='Peter'
- D. SELECT \* FROM Persons WHERE FirstName=='Peter'

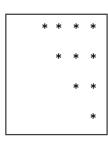
Đán án đúng: D

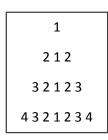
ZendVN – <u>www.zend.vn</u>

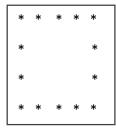
## Câu hỏi PHP

PHP 01: In ra màn hình các hình vẽ sau (sử dụng vòng lặp, câu điều kiện và các hàm có sẵn trong PHP)









PHP 02: Cho input là một chuối "john=6;peter=5;mary=4", chuỗi này lưu thông tin các nhân viên và tổng số dự án họ đã tham gia. Cho biết output nhân viên nào tham gia nhiều dự án nhất ?

PHP 03: Cho input là một chuối "230289", hãy xuất ra output là một chuỗi "23:02:89"

PHP 04: Cho input là một chuối "PHP is easy", hãy xuất ra output là một chuỗi "PHP is easy" (không có khoảng trắng dư thừa ở đầu và cuối chuỗi)

PHP 05: Cho URL là một chuỗi như sau "http://www.zend.vn/23\_LaptrinhPHP.pdf" hãy lấy ra các giá trị:

■ ID: 23

Name: LaptrinhPHP

Extension: pdf

PHP 06: Cho input là một chuỗi "Khoá học lập trình PHP tại **zendvn**<br/>br />Khoá học lập trình Zend 2 tại **zENdvn**<br/>br />Khoá học lập trình jQuery tại **Zendvn**". Thay các giá trị zendvn có trong chuỗi thành giá trị <a href=<u>www.zend.vn</u>>ZendVN</a>

PHP 07: Kiểm tra ID hợp lệ, ID hợp lệ phải có chiều dài 7 ký tự và có định dạng như sau XXX-YYY

- X là các ký tự văn bản A-Z a-Z
- YYY là các giá trị số từ 2 đến 6

PHP 08: Truy cập trang zend.vn, tiến hành đọc thông tin các khóa học trực tuyến tại ZendVN (12 khóa học) và lưu vào file XML, thông tin mỗi khóa học cần lưu gồm có: Tên khóa học, hình ảnh khóa học, tác giả khóa học và Link khóa học

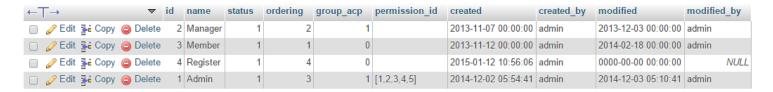
PHP 10: Ẩn số điện thoại, ví dụ 01683308983 → \*\*\*\*\*\*983 (\$number = "096981243121"; \$result = preg\_replace( "/[0-9]/", "\*\$2" , \$number, 9);

PHP 09: Viết class UploadFile, Validate

# Câu hỏi SQL

Cho cơ sở dữ liệu với cấu trúc các bảng như sau

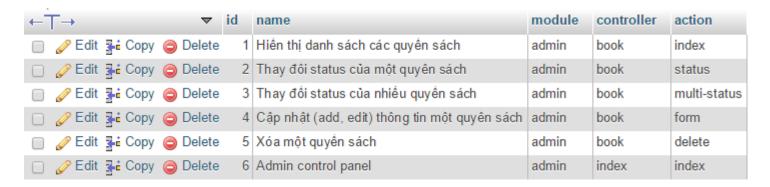
group (id, name, status, ordering, group\_acp, <u>permission\_id</u>, created, created\_by, modified\_by)



user (id, username, email, firstname, lastname, password, avatar, sign, created, created\_by, modified, modified\_by, register\_time, register\_ip, active\_code, active\_time, status, ordering, group\_id)



permission (id, name, module, controller, action)



#### Thực hiện các câu lệnh truy vấn sau:

- 1. Hiển thị danh sách các users, thông tin gồm: id, fullname và email (fullname = firstname + " " + lastname)
- 2. Hiển thị danh sách các users có email thuộc tài khoản của gmail ( giá trị email có dạng xxx@gmail.com), thông tin gồm: id, fullname, email
- 3. Hiển thị danh sách các users chưa có avatar hoặc sign (chưa có hình ảnh hoặc chữ ký, nếu chưa có các giá trị này sẽ bằng rỗng) ), thông tin gồm: id, fullname, email
- 4. Hiển thị danh sách các users chưa được kích hoạt tài khoản (active\_time là giá trị rỗng), thông tin gồm: id, fullname, email
- 5. Hiển thị danh sách các users được tạo ra từ ngày 01/06/2015 đến 30/06/2015), thông tin gồm: id, fullname, email
- Hiển thị danh sách các users vừa được cập nhật trong 2 ngày gần đây nhất

- 7. Cho biết có bao nhiều users chưa được active tài khoản
- 8. Cho biết user nào vừa đăng ký vào website nhưng chưa active tài khoản
- 9. Hiển thị danh sách các users, thông tin gồm: id, fullname, email và tên group
- 10. Thống kê tổng số users ở mỗi group
- 11. Thống kê tổng số có bao nhiều user có quyền truy cập vào Admin control panel
- 12. Cho biết các quyền của group có name là Admin